

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành tại Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm..... của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế - Luật)

- **Tên chương trình:** Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính (Applied Mathematics in Economics, Management and Finance)
- **Trình độ đào tạo:** Đại học
- **Ngành đào tạo:** Toán kinh tế
- **Loại hình đào tạo:** Chính quy tập trung
- **Mã ngành đào tạo:** 7310108
- **Danh hiệu tốt nghiệp:** Cử nhân Kinh Tế, Ngành Toán Kinh Tế
- **Chủ nhiệm ngành:** TS. Phạm Hoàng Uyên

1. Sự cần thiết và lý do mở ngành đào tạo

1.1. Tầm quan trọng của Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính

Đối với một nền kinh tế lạc hậu và lỗi thời, mọi quyết sách thiên về cảm tính thì quả thật Toán học sẽ đóng vai trò mờ nhạt trong thực tiễn. Gần đây, khi nền kinh tế Việt nam đã gần như hoà nhịp vào nền kinh tế Thế Giới thì vấn đề đã có nhiều thay đổi. Hàng loạt các bài toán được đặt ra cho các nhà chiến lược kinh tế: Phân tích tài chính, phân tích thị trường, phân tích các nguồn vốn đầu tư, phân tích các chỉ số phát triển.... Chia khoá cơ bản để giải quyết các vấn đề này là Toán học. Chính vì vậy mà cần có một cái nhìn tiến bộ hơn cho hàm lượng thời gian, hàm lượng kiến thức, chương trình đào tạo cho chương trình Toán ứng dụng cho khối ngành kinh tế. Một thực tế, trong nền kinh tế của nền nông - lâm - ngư nghiệp Việt Nam là "được mùa thì mất giá, được giá thì mất mùa", việc này chủ yếu

do nông dân đầu tư sản xuất theo cảm tính. Đúng ra thực trạng này phải xảy ra với mức độ nghiêm trọng hơn ở Mỹ, nơi sức sản xuất của nông dân rất lớn. Nhưng ở Mỹ với nền xác suất thống kê ứng dụng rất mạnh, họ dự báo chính xác và người dân tin và dựa vào các dự báo này để điều tiết sản xuất. Các mô hình xây dựng đề đập cũng không có chất lượng Toán cao, không lường hết các hậu quả trong các trường hợp đặc thù. Đã đến lúc, cần thiết phải sử dụng các công cụ toán học để giải quyết trực tiếp các bài toán kinh tế lớn.

Để thực hiện việc đó chúng ta cần phải đào tạo ra đội ngũ nhân lực có nền tảng tư duy cũng như tri thức để hiểu và vận dụng giải quyết được các vấn đề trong thực tế. Chẳng hạn, như những vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính là yếu tố quan trọng hàng đầu trong nền kinh tế, chúng ta cần thiết phải xây dựng mô hình, các dự báo về tài chính và quản trị rủi ro tài chính ở cả cấp độ vĩ mô lẫn vi mô nhằm hạn chế các nguy cơ vỡ nợ, suy thoái, khủng hoảng cho nền kinh tế.

Bên cạnh đó, những thay đổi và tiến bộ nhanh chóng của Khoa học kỹ thuật sẽ mở ra kỷ nguyên mới của sự lựa chọn các phương án đầu tư kinh doanh, tối ưu hóa sử dụng các nguồn lực, thúc đẩy năng suất lao động và hiệu quả, tạo bước đột phá về tốc độ phát triển, phạm vi mức độ tác động làm biến đổi cơ bản hệ thống sản xuất và quản trị xã hội cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Tiến bộ này chính là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, và nền tảng của nó là Toán học.

1.2. Nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính

Việt Nam đang phát triển mô hình xã hội chủ nghĩa theo định hướng kinh tế thị trường, với sự tham gia và điều tiết của Chính Phủ, và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong vài thập kỷ qua. Do đó, các hoạt động quản trị tài chính trong mọi tổ chức kinh tế cần được nghiên cứu cải tiến liên tục theo đà phát triển.

Trên thế giới đã có rất nhiều tiến bộ trong xây dựng mô hình kinh tế, tài chính dựa trên toán học và ứng dụng công nghệ thông tin. Tuy nhiên những tiến bộ này chưa được áp dụng sâu rộng tại Việt Nam. Một trong những lý do là những cơ sở đào tạo hiện hữu

chưa thực sự tạo dựng sự giao thoa của Toán học, Thống kê, Công nghệ thông tin và các lý thuyết tài chính. Chẳng hạn Đại học Kinh tế có ngành Kinh tế tài chính nhưng đào tạo chưa sâu, ở trường Khoa học Tự nhiên có bộ môn Tài chính định lượng nhưng còn lý thuyết quá nhiều, ở Đại học Sài Gòn cũng thế. Do vậy, cần phải có kiến thức sâu, rộng và liên ngành và bài bản mới có khả năng tham gia hoạt động nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu của thế giới vào tình hình cụ thể tại Việt Nam.

Mặc dù có nhu cầu nhân lực rất lớn, do sự bùng nổ và phát triển của ngành kinh tế, tài chính tại Việt Nam 20 năm qua, việc đào tạo nghiên cứu viên và chuyên gia phân tích, dự báo về tài chính vẫn còn rất hạn chế. Theo hiểu biết của chúng tôi, đã có một số trường đại học đang nỗ lực phát triển và đào tạo về kỹ thuật tài chính và quản trị rủi ro. Tuy nhiên, quá ít ỏi mới đáp ứng được nhu cầu thực tế ở nước ta.

Nhằm góp phần đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế nói chung và hệ thống tài chính nói riêng, cũng như tận dụng được xu thế phát triển, tích hợp các thế mạnh của các ngành học đang có tại Trường Đại học Kinh tế Luật chúng tôi đã nghiên cứu và xây dựng ngành học: **Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính.**

Khác với các chương trình hiện có trong nước, chuyên ngành Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính, Đại học Kinh tế - Luật chúng tôi muốn tạo ra một cơ sở toán với sự cần thiết vừa đủ nhưng song song đó sinh viên ứng dụng mạnh các mô hình toán thống kê, kinh tế lượng toán là mục tiêu hàng đầu. Giúp sinh viên đáp ứng nguồn nhân lực khan hiếm hiện nay tại các tổ chức tài chính, ngân hàng. Ngoài ra chúng tôi rất chú trọng đến lĩnh vực khai thác dữ liệu, phân tích, xử lý dữ liệu nhất là từ khóa Data science. Là vấn đề được quan tâm rất lớn hiện nay. Chuyên ngành đào tạo thể hiện tính ứng dụng cao về mặt toán học trong quá trình đào tạo, tổ chức kết nối với doanh nghiệp nhằm giúp sinh viên có cơ hội cọ sát các vấn đề thực tiễn.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Toán Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội; có năng lực chuyên môn về toán kinh tế, có khả năng phân tích, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề kinh tế thuộc các lĩnh vực kinh tế xã hội, các cấp khác nhau của nền kinh tế quốc dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Phẩm chất chính trị: Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt, hiểu biết đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Kiến thức: Các cử nhân tốt nghiệp chuyên ngành **Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính** có khả năng phân tích, dự báo và tư vấn cho việc hoạch định chính sách và lựa chọn quyết định tác nghiệp một cách có căn cứ khoa học dựa trên các công cụ phân tích định lượng, các phương pháp và phương tiện phân tích dữ liệu hiện đại.

Kỹ năng: Trước hết, sinh viên thành thạo kỹ năng thu thập dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau. Nguồn có thể là dữ liệu sơ cấp hay các dữ liệu thứ cấp chất lượng cao như nguồn dữ liệu có bản quyền của Thomson Reuters đã được trang bị tại trung tâm nghiên cứu kinh tế tài chính, đại học kinh tế luật. Sau đó, sinh viên hoàn thiện các kỹ năng mô hình hóa kinh tế xã hội và phân tích kinh tế bằng mô hình. Sử dụng tốt các kỹ thuật phân tích dữ liệu kinh tế xã hội và dự báo. Biết vận dụng kiến thức hệ thống hình thành kỹ năng làm việc theo nhóm và tổ chức các hoạt động như khảo sát, tổng hợp dữ liệu và lập báo cáo ở các mức độ khác nhau theo nhu cầu công việc. Có kỹ thuật mô phỏng ngẫu nhiên đáp ứng việc nghiên cứu và thực nghiệm.

Mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Nghiêm túc trong nghiên cứu và thực hành. Tôn trọng tính hệ thống trong công việc, cầu thị trong chuyên môn.

Trình độ ngoại ngữ, tin học: đáp ứng chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của ĐHQG, đáp ứng nhu cầu công việc và đào tạo sau đại học.

Trình độ tin học: Sử dụng tốt các phần mềm chuyên dụng trong các lĩnh vực Toán học, Thống kê toán, Mô hình hóa, Mô phỏng, Tài chính: Excel, SPSS, Winstata, Eviews, Gamside, Matlab, MetaStock,...

Khả năng học tập suốt đời: Có khả năng tự học, tự phát triển và học sau đại học.

2.2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)

Chúng tôi xây dựng chuẩn đầu ra với mục đích trước nhất là đảm bảo sinh viên đủ kiến thức và kỹ năng để làm việc trong các doanh nghiệp khi ra trường. Ngoài ra, nếu sinh viên có nguyện vọng tiếp tục con đường học vấn để trở thành nguồn nhân lực với kỹ năng cao cấp sau này thì họ đã được trang bị nền tảng kiến thức cơ bản cả lý thuyết và thực hành vững chắc để tiếp tục lên bậc học thạc sĩ hay tiến sĩ trong và ngoài nước.

Cụ thể hơn chương trình của chúng tôi có đầy đủ các môn nền tảng của kinh tế học như kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, thống kê và kinh tế lượng hay các môn học về tài chính, tính toán sẽ giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể chuyên tiếp học các chương trình sau đại học trong và ngoài nước về kinh tế hay tài chính. Trong khuôn khổ hợp tác sẵn có của trường Đại học Kinh tế Luật thì sinh viên có thể được tài trợ để học chương trình thạc sĩ về tài chính định lượng của viện xuất sắc John Von Neumann thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh hay chương trình cao học kinh tế của Trung tâm nghiên cứu và hỗ trợ đào tạo Kinh tế-Tài chính, Quản Trị và Môi trường Việt Nam VCREME.

Các môn học liên tục được bổ sung, cập nhật theo kịp tiến bộ mới nhất trên thế giới nên sinh viên sau khi tốt nghiệp hoàn toàn đủ khả năng, tự tin học tiếp lên bậc cao hơn.

TT	Mức độ¹	Chuẩn đầu ra
1		Kiến thức và lập luận ngành
1.1		Có kiến thức cơ bản tốt về Toán và và công nghệ thông tin
1.2		Có khả năng áp dụng các kỹ thuật tính toán vào lĩnh vực kỹ thuật tài chính và quản trị rủi ro
1.3		Có kiến thức cơ bản bao quát về kinh tế và tài chính, Quản trị rủi ro và lựa chọn các mô hình, công cụ tính toán để xử lý
2		Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp
2.1		Thể hiện khả năng phân tích và giải quyết vấn đề
2.2		Nghiên cứu và khám phá kiến thức
2.3		Tư duy một cách có hệ thống
2.4		Thái độ tư tưởng đúng đắn và khả năng học tập suốt đời
2.5		Có đạo đức và các trách nhiệm khác đối với cộng đồng
3		Làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp
3.1		Khả năng làm việc nhóm
3.2		Kỹ năng giao tiếp
3.3		Giao tiếp bằng ngoại ngữ
4		Năng lực thực hành nghề nghiệp

4.1		Khả năng vận dụng kiến thức
4.2		Kỹ năng tham gia xây dựng mô hình và đề xuất giải pháp
4.3		Khả năng lựa chọn và phân tích các mô hình, giải quyết các vấn đề chuyên môn

2.2.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo – môn học

	Môn học	TC	Kiến thức			Mức tự chủ và chịu trách nhiệm					Kỹ năng			Năng lực nghề nghiệp		
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3
	Ngoại ngữ	20										X	X			
HK1	Những NLCB của CN ML	5	X					X	X			X				
	Toán cao cấp	5	X									X				
	Lý luận nhà nước và pháp luật	3		X		X	X			X	X	X		X		
	Kinh tế học vi mô	3	X					X	X			X				
	Môn tự chọn 1	2	X					X				X				
HK2	Luật doanh nghiệp	3	X			X	X	X								
	Kinh tế vĩ mô	3	X						X			X			X	
	Nguyên lý kế toán	3	X							X				X	X	
	Quản trị học căn bản	3	X							X						

	Lý thuyết xác suất	2	X						X						
	Môn tự chọn 1	2	X					X							
	Môn tự chọn 2	2	X								X				
	Giáo dục thể chất	2													
	Giáo dục QP (4 tuần)	165t													
HK3	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	X							X		X			
	Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước	3							X		X		X	X	
	Marketing căn bản	3		X		X							X		
	Nguyên lý thị trường tài chính	3		X		X	X	X		X					
	Thống kê ứng dụng	3		X					X					X	
	Data Visualization	3		X					X						
	Môn tự chọn 1	3		X		X	X	X		X					
	Môn tự chọn 2	2		X		X	X	X		X					
HK4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	X							X		X			
	Kinh tế học quốc tế	2		X									X		
	Hệ thống thông tin kinh doanh	2		X					X					X	

	Kinh tế lượng	3		X					X			X			X	
	Thị trường chứng khoán	2		X					X						X	
	Toán kinh tế	3		X					X			X			X	
	Toán tài chính	2		X					X			X			X	
	Tài chính doanh nghiệp	3		X						X		X			X	
HK 5	Dự báo kinh tế	3			X				X				X			X
	Kinh tế đối ngoại	3		X				X				X		X		
	Vận trù học	3			X				X				X			X
	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính	3			X				X				X			X
	Môn tự chọn	3		X				X				X		X		
HK6	Tài chính quốc tế	3		X				X				X		X		
	Quản trị rủi ro tài chính	3			X				X				X			X
	Toán tài chính nâng cao	2			X				X				X			X
	Mô hình định giá tài sản	3		X				X				X			X	
	Môn học tự chọn chuyên sâu 1	3			X				X				X			X
	Môn học tự chọn chuyên sâu 2	3			X				X				X			X

HK7	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3													
	Môn tự chọn 1	3			X			X				X			X
HK8	Thực tập tốt nghiệp	4			X			X				X			X
	Khóa luận tốt nghiệp	6			X			X				X			X

2.2.3. Cơ hội nghề nghiệp

2.5.1 Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp:

Vị trí làm việc sau tốt nghiệp: Với kiến thức được trang bị một cách có hệ thống và tổng hợp, các cử nhân Toán kinh tế có khả năng thích nghi với thực tiễn và làm việc có hiệu quả trong nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội khác nhau: Tài chính - tiền tệ, Phân tích kinh doanh, Phân tích, tư vấn chính sách... Sinh viên tốt nghiệp được trang bị tốt các kiến thức cơ bản để tham dự các chương trình đào tạo sau đại học trong nước và quốc tế. Phát triển các hướng chuyên sâu thuộc lĩnh vực Toán ứng dụng trong kinh tế như Kinh tế toán, Toán tài chính, Định phí bảo hiểm và tài chính, ...

Cử nhân Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính có thể làm việc ở các vị trí:

+ Chuyên viên quản lý danh mục đầu tư, chuyên viên quản trị rủi ro cho các công ty, các tập đoàn kinh tế, các công ty bảo hiểm.

+ Chuyên viên định chế tài chính (Ngân hàng, Công ty tài chính; Công ty chứng khoán)

+ Nghiên cứu viên ở các viện nghiên cứu, cơ quan hoạch định chính sách

+ Giảng viên các trường đại học và cao đẳng khối kinh tế và quản trị kinh doanh

+ Tự xây dựng và điều hành các cơ sở sản xuất kinh doanh, các công ty tài chính, bảo hiểm.

2.5.2 Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Cử nhân tốt nghiệp chuyên ngành Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính sẽ đáp ứng đầy đủ điều kiện về kiến thức và kỹ năng để tiếp tục theo học chương trình thạc sĩ trong khối ngành kinh tế, tài chính và quản trị, tiêu biểu như thạc sĩ về tài chính định lượng của viện John Von Neumann trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Nếu sinh viên chọn con đường tiếp tục học thạc sĩ, họ sẽ trở thành lực lượng lao động chất lượng cao vốn đang thiếu hụt nghiêm trọng trong nền kinh tế thành phố nói riêng và cả nước nói chung.

Ngoài ra, có những chương trình hợp tác đào tạo thạc sĩ về tài chính và kinh doanh giữa Đại học Quốc gia và các trường đại học Ireland và một số quốc gia Châu Âu khác, sinh viên tốt nghiệp sẽ đáp ứng đầy đủ yêu cầu hội nhập để có thể học tốt các chương trình hợp tác quốc tế này. Bên cạnh đó, sinh viên tốt nghiệp sẽ có khả năng tiến hành nghiên cứu chuyên sâu và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh.

3. Thời gian đào tạo: 4 năm với 8 học kỳ

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

130 tín chỉ không kể khối kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và ngoại ngữ.

5. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Khối tuyển sinh:** A, A1, D1

- **Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm:** 50 (căn cứ vào chỉ tiêu phân bổ của Trường)

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo Đại học được ban hành kèm theo Quyết Định 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám Đốc ĐHQG TP. Hồ Chí Minh.

6.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở khối ngành: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3, học kỳ 4.
- Khối kiến thức chuyên ngành: học kỳ 4, học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề: học kỳ 7, 8.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Tích lũy đủ số TC của ngành đào tạo;
- Đạt điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa theo quy định;
- Đạt các chứng chỉ GDQP, chứng chỉ giáo dục thể chất;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Điều kiện ngoại ngữ: đạt chuẩn 500 TOEIC hoặc các văn bằng tương đương.

7. Thang điểm

Thang điểm sử dụng là thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

8. Chương trình đào tạo: 130 Tín chỉ

8.1 Tỷ lệ các khối kiến thức

Hệ đào tạo	Thời gian	Tổng khối	Kiến thức	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	TTCK KLTN	Phân bố theo bắt buộc và tự chọn		Ghi chú
						Bắt	Tự chọn	

	đào tạo (năm)	lượng kiến thức	cơ bản	Toàn bộ	Cơ sở ngành	Chuyên ngành	hoặc các HPCE	buộc	Yêu cầu trong CTĐT	Được liệt kê để lựa chọn	
Đại học chính quy	4	130	36	84	32	52	4+6	95	35	61	Không kê phân kiến thức: ngoại ngữ (20TC), GDTC (5 TC), GDQP (165 tiết, tương đương 8TC)
		Tỷ lệ (%)	27,7	64,6				7,7			

8.2. Cơ cấu các khối kiến thức

Khối kiến thức đại cương	Khối kiến thức cơ sở khối ngành	Khối kiến thức cơ sở nhóm ngành	Khối kiến thức ngành và chuyên ngành	Thực tập và khoá luận tốt nghiệp
36TC	20TC	12 TC	52 TC	10 TC
28%	15%	9%	40%	8%

8.3. Nội dung chi tiết chương trình đào tạo

8.3.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương: 59 tín chỉ

8.3.1.1 Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
		Các môn học bắt buộc (10 TC)	10	10		
1	GEN1001	Những nguyên lý của CN Mác – Lênin	5	5		
2	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3		
3	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		

8.3.1.2 Nhân văn – Kỹ năng: 5 tín chỉ

STT	MÃ	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ
-----	----	-------------	---------

	MÔN HỌC		TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Không có môn học bắt buộc			5	5		
1	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	2		
2	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm	2	2		
3	MIS1004	Tin học ứng dụng	3	3		
4	GEN1007	Logic học	3	3		

8.3.1.3 Khoa học xã hội: 4 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Không có môn học bắt buộc						
Các môn tự chọn (4 TC)			4	4		
1	GEN1106	Xã hội học	2	2		
2	GEN1105	Văn hóa học	2	2		
3	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2	2		
4	GEN1104	Quan hệ quốc tế	2	2		

8.3.1.4 Khoa học kinh tế: 18 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc (18 TC)			18	18		

1	ECO1001	Kinh tế vi mô 1	3	3		
2	ECO1003	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		
3	BUS1100	Quản trị học căn bản	3	3		
4	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3		
5	BUS1200	Marketing căn bản	3	3		
6	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	3		

8.3.1.5. Ngoại ngữ không chuyên: 20 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1	
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1	
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1	
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1	

8.3.1.6. Toán – Thống Kê: 16 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc			16	16		
1	MAT1001	Toán cao cấp	5	5		
2	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2		
3	MAT1003	Thống kê ứng dụng	3	3		
4	MAT1004	Kinh tế lượng	3	3		
5	MAT1007	Data Visualization	3	3		

8.3.1.7. Khoa học pháp lý: 6 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc: 6 TC			6	6		
1	LAW1001	Lý luận Nhà nước và pháp luật	3	3		
2	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3		

8.3.2. Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ

8.3.3. Giáo dục quốc phòng: 165 tiết (tương ứng 8 tín chỉ)

8.4. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 61 tín chỉ

8.4.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành: 15 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Môn tiên quyết	TÍN CHỈ			
				TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc				15			
1	MAT1008	Toán kinh tế		3			
2	ECO1006	Dự báo kinh tế		3			
3	MAT1009	Toán tài chính		3			
4	FIN1102	Tài chính doanh nghiệp		3			
5	ECO1004	Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước		3			

8.4.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành: 46 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Môn tiên quyết	TÍN CHỈ			
				TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc: 33TC							

1	MIS1005	Hệ thống thông tin trong kinh doanh		2			
2	FIN1112	Quản trị rủi ro tài chính		3			
3	MAT1012	Thống kê Bayes		3			
4	MAT1015	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính		3			
5	MAT1017	Toán tài chính nâng cao		3			
6	MAT1018	Mô hình định giá tài sản		3			
7	MAT1012	Vận trù học		3			
8	FIN1109	Thị trường chứng khoán		2			
9	COM1007	Tài chính quốc tế		3			
10	COM1001	Kinh tế học quốc tế		2			
11	COM1002	Kinh tế đối ngoại		3			
12	ECO1005	Lập thẩm định dự án đầu tư		3			
Các môn học tự chọn: 13 TC							
1	MAT1021	Phương pháp tối ưu trong học máy		3			
2	MAT1022	Thống kê Bayes nâng cao		3			
3	MAT1020	Phân tích số liệu mạng		2			
4	MAT1019	Phân tích dữ liệu Bayes		2			
5	MAT1025	Seminar		3			
6	MAT1016	Lập trình thống kê		3			
7	MAT1026	Toán ứng dụng trong quản trị rủi ro và danh mục đầu tư		3			
8	MAT1028	Thống kê trong Quản trị		3			

		kinh doanh và Marketing					
9	MAT027	Định phí bảo hiểm		3			
10	MAT1010	Lý thuyết trò chơi		3			
11	MAT1029	Kinh tế lượng nâng cao		3			
13	MIS1017	Phân tích dữ liệu web		3			

8.5. Thực tập tốt nghiệp + Khóa luận tốt nghiệp (Học 2 chuyên đề TN): 10
tín chỉ

9. Dự kiến Kế hoạch giảng dạy

HỌC KỲ I – 18 TC (không bao gồm giáo dục thể chất)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	16	16			
1	GEN1001	Những nguyên lý cơ bản của Mác-Lênin	5	5			
2	ECO1001	Kinh tế học vi mô	3	3			MAT1001
3	LAW1001	Lý luận Nhà nước và pháp luật	3	3			
4	MAT1001	Toán cao cấp (5TC)	5	5			
		Môn học tự chọn	2	2			
7	GEN1101	Tâm lý học đại cương	2	2			GEN1001
8	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	2			
		2 môn chọn 1					
9	GEN1004	Giáo dục thể chất 1	3	3			

HỌC KỲ II – 18 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	14	14			
1	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3			
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô	3	3			MAT1001 ECO1001
3	ACC113	Nguyên lý kế toán	3	3			
4	BUS1100	Quản trị học căn bản	3	3			
5	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2			MAT1001
		Môn học tự chọn	4	4			
6	GEN1105	Văn hóa học	2 môn chọn 1	2	2		
7	GEN1106	Xã hội học		2	2		
8	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2 môn chọn 1	2	2		
9	GEN1104	Quan hệ quốc tế		2	2		
10	GEN1005	Giáo dục thể chất 2	3	3			
11	GEN1006	Giáo dục QP (4 tuần)	165t				

HỌC KỲ III (NĂM 2): 23 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	18	18			
1	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3			
2	MAT1003	Thống kê ứng dụng	3	3			MAT1001 MAT1002
3	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3			ECO1001 ECO1002
4	MAT1007	Data Visualization	3	3			
5	ECO1004	Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước	3	3			
6	BUS1200	Marketing căn bản	3	3			
		Môn học tự chọn	5	5			
7	ECO1003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2			MAT1001 MAT1002 MAT1003
8	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm					

7	MIS1004	Tin học ứng dụng	2 môn chọn 1	3	3			
10	GEN1007	Logic học		3	3			

HỌC KỲ IV: 20 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	20	19	1		
1	MAT1008	Toán kinh tế	3	3			MAT1001
2	MIS1005	Hệ thống thông tin trong kinh doanh	2	1	1		
3	MAT1009	Toán tài chính	3	3			
4	FIN1109	Thị trường chứng khoán	2	2			
5	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2	2			ECO1001 ECO1002
6	FIN1102	Tài chính doanh nghiệp	3	3			
7	MAT1004	Kinh tế lượng	3	3			MA10001 MAT1002 MAT1003
8	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			

HỌC KỲ V: 18 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	15	15			
1	ECO1006	Dự báo kinh tế	3	3			MAT1004
2	MAT1012	Vận trù học	3	3			
3	MAT1014	Thống kê Bayes	3	3			
4	MAT1015	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính	3	3			MAT1004
5	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3			ECO1001 ECO1002
		Môn học tự chọn	3	3			
1	MAT1016	Lập trình thống kê	3	3			
2	MIS1008	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	3			MIS1004
3	MAT1026	Toán ứng dụng trong quản trị rủi ro và phân bổ đầu tư	3	3			
4	MAT1029	Kinh tế lượng nâng cao	3	3			MAT1004
5	MIS1017	Phân tích dữ liệu web	3	3			

HỌC KỲ VI: 18 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	9	9			
1	COM1007	Tài chính quốc tế	3	3			
2	FIN1112	Quản trị rủi ro tài chính	3	3			
3	MAT1017	Toán tài chính nâng cao	3	3			MAT1009
		Môn học tự chọn	5	5			
1	MAT1019	Phân tích dữ liệu Bayes	3	3			MAT1003
2	MAT1020	Phân tích số liệu mảng	2	2			MAT1004
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	2	2			
4	MAT1021	Phương pháp tối ưu trong học máy	3	3			MAT1003 MAT1007
5	MAT1028	Thống kê trong Quản trị kinh doanh và Marketing	3	3			MAT1004

HỌC KỲ VII: 9 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	6	6			
1	ECO1005	Lập thẩm định dự án đầu tư	3	3			
2	MAT1018	Mô hình định giá tài sản	3	3			FIN1102
		Môn học tự chọn	3	3			
1	MAT1022	Thống kê Bayes nâng cao	3	3			MAT1014
2	MAT1024	Giới thiệu về máy học	3	3			
3	MAT1025	Seminar (invited lectures)	3	3			
4	MAT1027	Định phí bảo hiểm	3	3			MAT1003

HỌC KỲ VIII: 4 - 10 TC

	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1		Thực tập cuối khóa	4		4		
2		Khóa luận tốt nghiệp	6		6		

KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ: 20 TC

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1		Đầu vào A2
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1		ENG1001
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1		ENG1002
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1		ENG1003

KHỐI TỰ CHỌN MỞ RỘNG (chọn 12 tín chỉ theo khối tự chọn mở rộng)

Sinh viên có thể chọn lựa khối môn học tự chọn mở rộng của các chương trình giáo dục khác với chương trình giáo dục **chính** nhằm đa dạng hóa kiến thức tích lũy và kết quả học tập khối môn học tự chọn mở rộng được thể hiện thành khối kiến thức chương trình giáo dục **phụ** trên bảng điểm tốt nghiệp

Chương trình giáo dục: Kinh tế học (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4	4			
2	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4	4			
3	ECO1014	Kinh tế phát triển	4	4			
4	ECO1008	Kinh tế công	3	3			
5	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế và quản lý công (chọn 12 TC)

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1022	Kinh tế công 2	2	2			
2	ECO1023	Chính sách công	4	4			
3	ECO1025	Quản lý công	3	3			
4	ECO1014	Kinh tế phát triển	3	3			
5	ECO1009	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3			
6	ECO1008	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế đối ngoại (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1010	Tập quán thương mại quốc tế	3	3			
2	COM1011	Logistics	3	3			
3	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3			
4	COM1028	Phân tích chính sách đối ngoại của Việt Nam (seminar)	3	3			
5	COM1006	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh doanh quốc tế (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1020	Quản trị đa văn hoá	3	3			
2	COM1005	Kinh doanh quốc tế	3	3			
3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3			
4	COM1022	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3			
5	COM1015	Đầu tư quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Tài chính							
1	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
2	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			
3	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3	3			
4	FIN1104	Thuế	3	3			
5	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
6	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
Ngân hàng							
1	FIN1201	Tiền tệ ngân hàng	3	3			

2	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
3	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
4	FIN1206	Ngân hàng thương mại nâng cao	3	3			
5	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
6	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			

Chương trình giáo dục: Kế toán (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1023	Kế toán tài chính	4	4		ACC1013	
2	ACC1502	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
3	ACC1063	Kế toán phần hành 1	3	3		ACC1013	
4	ACC1153	Thuế - thực hành và khai báo	3	3			
5	ACC1582	Phân tích báo cáo tài chính	2	2		ACC1034	

Chương trình giáo dục: Kiểm toán (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1033	Kế toán tài chính 1	3	3		ACC1013	
2	ACC1043	Kế toán tài chính 2	3	3		ACC1013	

3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
4	ACC1083	Kế toán quốc tế	3	3		ACC1013	
5	ACC1583	Phân tích báo cáo tài chính	3	3		ACC1034	

Chương trình giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý (chọn 12 TC) (sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1							
1	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	2	1	MIS1015	
2	MIS1022	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1		
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	2	1		
4	MIS1023	Kế toán tin học	3	2	1		
Nhóm 2							
1	MIS1024	Lập trình CSDL	3	2	1	MIS1011, MIS1007	
2	MIS1025	Thiết kế Web 2	3	2	1	MIS1012	
3	MIS1026	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	2	1	MIS1011, MIS1012	
4	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	2	1	MIS1015	

Chương trình giáo dục: Thương mại điện tử (chọn 12 TC) (sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP	3	3			
3	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - P2	3	3		MIS1015	
4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	3		MIS1006	MIS1007
Nhóm 2							
1	MIS1021	Phân tích & Thiết kế quy trình nghiệp vụ	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP	3	3			
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	3		MIS1006	MIS1007
4	MIS1033	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3	3			MIS1011

Chương trình giáo dục: Quản trị kinh doanh, Marketing (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi

1	BUS 1103	Quản trị nguồn nhân lực	3	Chọn 3 trong 5 môn		
2	BUS 1105	Quản trị chiến lược	3			
3	BUS 1205	Quản trị marketing	3			
4	BUS 1207	Quản trị truyền thông	3			
5	BUS 1210	Nghiên cứu marketing	3			
6	BUS 1300	Nghệ thuật lãnh đạo	3	Chọn 1 trong 2 môn		
7	BUS 1308	Kỹ năng bán hàng	3			

Chương trình giáo dục: Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1502	Luật hợp đồng	3	3			
2	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	3			
3	LAW1503	Luật Thương mại	3	3			
4	LAW1505	Luật Đất đai	3	3			
5	LAW1508	Luật cạnh tranh	3	3			
6	LAW1518	Luật Kinh doanh quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Luật dân sự (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001

2	LAW1103	Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102
3	LAW1108	Pháp luật về tài sản trong gia đình	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1107
4	LAW1109	Tổ tụng dân sự	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
5	LAW1114	Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1109 LAW1113

Chương trình giáo dục: Luật Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1201	Luật ngân hàng	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102

							LAW1103
3	LAW1206	Luật chứng khoán	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
4	LAW1212	Luật thuế	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1207

10. Kế hoạch thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp/học chuyên đề tốt nghiệp

10.1 Thực tập tốt nghiệp:

10.1.1 Chuẩn bị

Đầu học kỳ VII, Bộ Môn gặp gỡ sinh viên phổ biến về kế hoạch thực tập tốt nghiệp: Thời gian, yêu cầu doanh nghiệp thực tập, đề tài báo cáo, nội dung báo cáo,...; Định hướng cho sinh viên chọn đề tài báo cáo; Bộ Môn sẽ hướng dẫn giới thiệu thực tập cho sinh viên hoặc sinh viên tự liên hệ và với doanh nghiệp thực tập....

Bộ Môn cung cấp giấy giới thiệu cho sinh viên và mọi hỗ trợ cần thiết để sinh viên liên hệ doanh nghiệp thực tập.

Sau khi liên hệ được doanh nghiệp thực tập, sinh viên đăng ký sơ bộ đề tài báo cáo tốt nghiệp, với đề nghị giảng viên hướng dẫn nếu có thỏa thuận với giảng viên.

Bộ Môn phân công giảng viên hướng dẫn cho từng sinh viên.

Cuối học kỳ VII, Sinh viên gặp gỡ giảng viên hướng dẫn, trao đổi cụ thể về kế hoạch thực tập tốt nghiệp và viết báo cáo thực tập.

10.1.2. Thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp và viết báo cáo:

- Sinh viên sẽ xin triển khai đề tài khóa luận của mình tại doanh nghiệp và

theo sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn

- Kết thúc thời gian thực tập (10 tuần), sinh viên nộp báo cáo và nhận xét đánh giá của doanh nghiệp thực tập.

- Sinh viên hoàn thành đề tài để chuẩn bị báo cáo khóa luận.

10.2 Làm khóa luận tốt nghiệp

Cuối học kỳ VII, Khoa phân công giảng viên hướng dẫn làm khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận.

- Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian từ khi sinh viên học chuyên đề đến khi kết thúc thực tập.

- Sinh viên viết đề cương chi tiết về khóa luận, nộp cho giảng viên hướng dẫn.

- Giảng viên hướng dẫn góp ý, chỉnh sửa Đề cương chi tiết.

- Bộ môn góp ý về đề cương chi tiết của sinh viên.

- Sinh viên vừa thực tập tại doanh nghiệp (hoặc với giáo viên hướng dẫn) vừa triển khai để hoàn thành khóa luận.

- Giảng viên hướng dẫn viết nhận xét với điểm đánh giá.

- Khóa luận được phản biện và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trước hội đồng

❖ Thỏa thuận của các đơn vị, cơ sở bên ngoài về việc nhận sinh viên thực tập:

Trường đại học Kinh tế - Luật có ký thỏa thuận hợp tác với nhiều doanh nghiệp, đơn vị trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là những đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, bao gồm những doanh nghiệp tiếp nhận sinh viên thực tập.